|  |  |
| --- | --- |
| ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG NAM**HUYỆN ỦY NAM TRÀ MY**\* | **ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM** *Nam Trà My, ngày tháng 12 năm 2020* |

**BẢNG THỐNG KÊ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU NGHỊ QUYẾT NĂM 2020**

-----

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu Nhiệm kỳ 2015 – 2020** | **Chỉ tiêu** **đề ra** | **Kết quả** **thực hiện** | **Đánh giá** |
| **1- Nhóm chỉ tiêu về kinh tế** |  |  |  |
|  | Tổng sản lượng lương thực cây có hạt | 5.500 tấn | 5.365,35 tấn | Không đạt |
|  | Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng so với kế hoạch tỉnh giao | 10% | 14,14% | Vượt |
|  | - Gieo ươm và trồng dược liệu khoảng 70ha; - Trồng mới Sâm Ngọc Linh (*Nhà nước hỗ trợ từ 5.000 - 10.000 cây*). | 70 ha20ha (100.000 cây) | 67,17 ha336.736 cây | Không đạtVượt |
|  | - Mô hình nông, lâm nghiệp có hiệu quả kinh tế cao (*bò, dê, heo đen địa phương, cây dược liệu…*).  | 10 - 15 | 42 | Vượt |
|  | - Tổng đàn gia súc  | 13.000 con. | 9.635 con | Không đạt |
|  | - Bê tông hóa giao thông nông thôn. | 15.000m | 4.859m | Không đạt |
|  | - Xã Trà Mai đạt chuẩn Nông thôn mới; - Không còn xã đạt dưới 08 tiêu chí Nông thôn mới. |  | Trà Mai NTM;Bình quân 10 TC | Vượt |
| ***2- Chỉ tiêu về xã hội, môi trường*** |  |  |  |
|  | - Giữ vững số xã hoàn thành chương trình phổ cập THCS, phổ cập Tiểu học đúng độ tuổi mức độ 2 và chống mù chữ, phổ cập Mầm non cho trẻ 05 tuổi; tỷ lệ học sinh ra lớp đạt trên 98%.- Xây dựng 02 – 03 trường đạt chuẩn quốc gia. |  | 05 trường | ĐạtVượt |
|  | - Giảm hộ nghèo (*tương ứng giảm tỷ lệ từ 4,5% – 05%*); cận nghèo (*tương ứng giảm tỷ lệ 0,1%*).  | 335 – 375 hộ 07 hộ  | 375 hộ05 hộ | ĐạtKhông đạt |
|  | - Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên - Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 05 tuổi  | 12‰.< 18%. | 16,15‰18,77% | Không đạtKhông đạt |
|  | - Sửa chữa, nâng cấp 02 – 03 trạm y tế; 01 trạm y tế đạt tiêu chí quốc gia. | 02-0301 | 02-0301 | Đạt |
|  | - Tỷ lệ tham gia BHXH/lực lượng lao động.- Tỷ lệ tham gia BHTN/lực lượng lao động. | 25%20% | 10,4%15% | Không đạtKhông đạt |
|  | - Thực hiện sắp xếp, ổn định dân cư đạt 100% chỉ tiêu tỉnh giao, giai đoạn 2017 – 2020. | 2 khu/63 hộ | 2 khu/63 hộ | Đạt |
|  | - Số hộ sử dụng điện lưới quốc gia. | 60 – 65% | 65,2% | Vượt |
|  | - Đào tạo nghề cho 600 người, trong đó:+ Nghề nông – lâm nghiệp 450 người;+ Nghề phi nông nghiệp 150 người; + Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 33,2%;+ Số lao động có việc làm tăng thêm 400 người; + Số người đi làm việc ở nước ngoài. | 600 người450 người150 người33,2%400 người25 người | 565 người189 người376 người34,36%485 người16 người | Không đạtKhông đạtVượtVượtVượtKhông đạt |
|  | - Xây dựng 02 trung tâm VH - TT xã, 02 nhà văn hóa thôn đạt chuẩn; - Số khu dân cư có NSH cộng đồng. | 0240% | 03 36,5% | VượtKhông đạt |
|  | - Thu hút từ 50.000 khách du lịch trở lên.  |  | 30% | Không đạt |
|  | - Hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; - Hộ sử dụng hố xí hợp vệ sinh. | 70 - 75%60 - 65%. | >60% | Không đạt |
|  | - Trồng mới và phục hồi 2.500 - 3.000 ha rừng (*Quế, Dỗi…*). Tỷ lệ che phủ rừng từ 59,5% trở lên. | 2.500 - 3.000 ha59,5% | 2.400 ha59,64% | Không đạtVượt |
| ***3- Chỉ tiêu xây dựng Đảng; quốc phòng, an ninh*** |  |  |  |
|  | - Phát triển đảng từ 70 đảng viên. Phấn đấu không có TCCS đảng không hoàn thành nhiệm vụ. | 70 | 70 | Đạt |
|  | - Hoàn thành đại hội Đảng cấp cơ sở và Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIX (*Nhiệm kỳ 2020 – 2025*). |  |  | Đạt |
|  | - Tuyển quân đạt 100% chỉ tiêu tỉnh giao; - Xây dựng lực lượng dân quân chất lượng cao đạt 100% chỉ tiêu. | 58843 | 58843 | ĐạtĐạt |
|  | - Phấn đấu có từ 05 xã trở lên bố trí công an chính quy. | 05 | 10/10 | Vượt |